TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LIÊN CHIỂU** **TP ĐÀ NẴNG** **---------**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **15 /**2025/HNGĐ-ST
Ngày 17 - 4 - 2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp
về con chung khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU – TP ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Dương Thị Thái
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Chi
Ông Nguyễn Văn Dũng

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyến - Thư ký Toà án nhân dân quận Liên Chiểu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu *tham gia phiên tòa:* bà Phạm Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân quận Liên Chiểu mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 538/2024/TLST-HNGĐ ngày 19/12/2024 về việc ly hôn, tranh chấp về con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 20/3/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08/4/2025 giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Ái T**, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. *Có mặt*

- Bị đơn: Ông **Huỳnh Xuân T1**, sinh năm 1991; địa chỉ: Số C đường Â, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Trần Thị Ái T trình bày:*

Bà và ông Huỳnh Xuân T1 tìm hiểu và tiến đến kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Vợ chồng sinh sống với nhau được một thời gian, đến năm 2023 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do lối sống khác biệt, không tin tưởng lẫn nhau, ông T1 mỗi lần uống rượu say là đánh đập bà T dẫn đến bà T phải đi khỏi nhà nhiều lần. Nay bà T xác định mâu thuẫn không thể hàn gắn, , không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, cả hai đã chính thức sống ly thân từ tháng 12 năm 2024 cho đến nay nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Huỳnh Xuân T1.

- Về con chung: Bà Trần Thị Ái T xác định bà và ông Huỳnh Xuân T1 có 02 con chung là Huỳnh Xuân T2, sinh ngày 28/9/2015 và Huỳnh Xuân T3, sinh ngày 19/4/2017. Ly hôn, bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung Huỳnh Xuân T3 và giao con chung Huỳnh Xuân T2 cho ông Huỳnh Xuân T1 trực tiếp nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

- Về tài sản chung chung và nợ chung: Bà Trần Thị Ái T xác định bà và ông Huỳnh Xuân T1 không có tài sản chung, không có nợ chung.

** Bị đơn là ông Huỳnh Xuân T1 vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, ông T1 trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Xuân T1 xác nhận điều kiện kết hôn như lời trình bày của bà Trần Thị Ái T và xác định quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là ông bà không có sự tin tưởng lẫn nhau, quan điểm sống không hợp dẫn đến thường xuyên xảy ra cải vã, bà T nhiều lần bỏ nhà đi không báo với gia đình; vợ chồng đã sống ly thân với nhau, hiện tại không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm không còn, hôn nhân không đạt được mục đích nên cũng yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông T1 và bà Trần Thị Ái T được ly hôn.

- Về con chung: Ông Huỳnh Xuân T1 xác định ông và bà Trần Thị Ái T có 02 con chung là Huỳnh Xuân T2, sinh ngày 28/9/2015 và Huỳnh Xuân T3, sinh ngày 19/4/2017. Ly hôn, ông T1 yêu cầu giao cả 02 con chung cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng và ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Huỳnh Xuân T1 xác định ông và bà Trần Thị Ái T không có tài sản chung, không có nợ chung.

** Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu:*

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thụ lý vụ án, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của đương sự, xác minh, thu thập chứng cứ đúng

quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho bà Trần Thị Ái T ly hôn với ông Huỳnh Xuân T1, giao con chung Huỳnh Xuân T3 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung Huỳnh Xuân T2 cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai; về tài sản chung và về nợ chung các bên xác định không có nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:** Nguyên đơn bà Trần Thị Ái T khởi kiện về "Ly hôn và tranh chấp về nuôi dưỡng con chung" đối với bị đơn là ông Huỳnh Xuân T1 có địa chỉ cư trú tại tổ G, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Về nội dung vụ án:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ái T và ông Huỳnh Xuân T1 kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H; hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Cả hai đã tuân thủ đầy đủ các quy định về kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay bà T và ông T1 thống nhất xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, hôn nhân không đạt được mục đích nên yêu cầu ly hôn; xét yêu cầu ly hôn của bà T và ông T1 là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận.

[2] Về quan hệ con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trần Thị Ái T và ông Huỳnh Xuân T1 xác định ông bà có hai con chung là Huỳnh Xuân T3, sinh ngày 19/4/2017 và Huỳnh Xuân T2, sinh ngày 28/9/2015. Khi ly hôn bà T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu T3 và giao cháu T2 cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng; còn ông T1 có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung.

Xét yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn thấy rằng: Cháu Huỳnh Xuân T2 và Huỳnh Xuân T3 chưa thành niên nên cần phải có người trực tiếp nuôi dưỡng khi các bên ly hôn. Nguyện vọng được nuôi con chung của bà T và ông T1 là chính đáng nhưng việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần xem xét trên cơ sở lợi ích của con chung và các quy định của pháp luật. Xét điều kiện thực tế của bà T và ông T1 thì thấy cả hai đều là công nhân và đang sinh sống chung với cha mẹ nên đều có điều kiện nuôi con như nhau, do vậy để đảm bảo quyền lợi của các bên cũng như

quyền lợi của con chung, không thể thỏa mãn yêu cầu được nuôi cả hai con như nguyện vọng của ông T1, mà cần giao cho mỗi người nuôi một con chung. Cháu Huỳnh Xuân T2 lớn hơn nên giao cho ông T1 nuôi dưỡng, còn cháu Huỳnh Xuân T3 nhỏ hơn cần có sự quan tâm chăm sóc trực tiếp của người mẹ nên giao cháu T3 cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế cũng như nguyện vọng của các cháu.

Các bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề này.

[3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn, bị đơn đều xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa cơ bản phù hợp như nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[5] Về án phí: theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn là 300.000đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho bà Trần Thị Ái T và ông Huỳnh Xuân T1 ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Xuân T3, sinh ngày 19/4/2017 cho bà Trần Thị Ái T trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Huỳnh Xuân T2, sinh ngày 28/9/2015 cho ông Huỳnh Xuân T1 trực tiếp nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Các bên vẫn có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung; vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Buộc bà Trần Thị Ái T phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà T đã nộp theo Biên lai thu số 0009210 ngày 19/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu. Bà T đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản

án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS Q. Liên Chiểu;
- UBND phường Hòa Khánh B;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

DƯƠNG THỊ THÁI